

PHẬT THUYẾT NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA KINH SỞ THẦN BẢO KÝ

QUYỂN 2

Tiếp giải thích theo Giáo: Phật là Phật bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên. Phật vốn không có bốn vị, nhưng từ sở thuyết của bốn giáo cho nên có bốn thân Phật tương đương. Thông suốt mà nói thì vốn chỉ có một Phật. Lấy cảnh làm gốc thì Tam tạng giáo Như Lai có bốn kiến khác nhau trên sắc tướng. Nói Phật Bản tích thì Phật Viên giáo là bản, thù (thị hiện) là Phật tích của ba giáo (Tạng, Thông, Biệt). Nói chơn trung thì bốn giáo, mỗi giáo có hai mà có ba cặp cảm ứng khác nhau. Nói thể dụng Phật thì thể vốn có một, mà dụng có bốn v.v... nếu hiểu được các ý này thì luận bốn Phật có đồng, có khác, không có gì trở ngại. Nay tạm theo những phần phù hợp để nói. Phật phiên dịch tiếng Hoa là Giác; Giác có tự tha, cũng gọi là Giác mãn. Năng giác ngộ pháp người quả của thế gian xuất thế gian, như là khổ tập, đạo, diệt vậy. Thân thọ tám mươi tuổi v.v... là biểu thị đồng với phép tắc của con người. Tuy đã xuất ra ngoài cõi người rồi, mà chưa xa lìa cõi người. Giống như ứng hiện làm kém đi mà thôi. Ba mươi bốn tâm tức tám nhãn, tám trí, tám trí, chín vô ngại, chín giải thoát. Tóm lại không ra ngoài hai đức, Trí, (đoạn; năng phá kiến tư, dưới gốc cây thành Phật. Chỗ gọi là cây Bồ-đề, để phân biệt, khác với bảy báu, tức là Phật của Tam tạng giáo hiển thị tướng thành đạo. Thân cao trượng sáu, giống như hiện thân tôn quý đặc biệt, thông suốt diễn môn, hai căn cơ, lợi, độn, nên thấy tướng hơn kém không đồng, như nói hợp với thân tôn quý đặc thù, đó là vậy, đó là vậy. Mà thật ra, chỉ một thân tùy cơ mà thấy có khác, chẳng phải là to lớn thu nhỏ, gọi đó là còn vướng độn. Nói hợp, nói cộng cũng là một nghĩa vậy thôi. Xưa giải thích có nhiều sai lầm. Cho nên lược chỉ bày vậy v.v... Một niệm tương ứng đó là không đồng với Tạng giáo dùng ba mươi bốn tâm tiêm tu, đốn đoạn. Nay lấy trí thì một niệm tương ứng với

Không, vô gián mà đoạn. Có ở trước sau, tức là chánh sử trước tiên đã đoạn hết, đến quả chỉ là tận trừ những tàn dư tập khí mà thôi. Có khác với Phật Tạng giáo đó là lấy đại tiểu giáo môn vì cơ, mà thiết lập giáo hóa không đồng cho nên nói v.v... Tướng Phật Biệt giáo, chỉ hiện thân nguy nguy đường đường tôn quý đặc biệt. Thọ Phật ký cũng gọi là thọ Phật chức. Tức sắc cứu cánh Thiên thọ Phật chức là vậy. Phật Biệt giáo này hoàn toàn giống với kinh Hoa nghiêm nói mà ngôi vị thứ tự, lên xuống có khác, ở kia thì là rốt ráo quả vị lên trời thuyết pháp, là vị bắt đầu từ một tướng ứng hóa. Đây là phù hợp với giáo pháp của Biệt giáo bắt đầu đoạn mười hai phẩm vô minh, dùng quyền giáo hành vị giáng xuống người gian thì chỉ dừng ở nhận chức vị Phật mà thôi. Xưa nay, giải thích hình như giống, mà thật khác nhau rất lớn. Tuy khác mà lại đồng, không dễ gì phán định, càng nên phải nói rõ v.v...

Tướng Phật Viên giáo, không giống như ba tướng trước, cho nên nói rằng ẩn trước, chỉ thị hiện tướng như hư không, không thể nghĩ bàn, nhưng cũng không lìa tướng thường vốn hiện, bởi vì Viên cơ là một. Có thể xưng là tính đồng hư không đẳng với pháp giới... chỉ dựa vào tâm hiện, không thể dùng lời nói mà nói ra được, không thể dùng thức mà hiểu biết được. Thể thấu suốt như thế gọi là pháp thân cứu cánh. Cho nên nói: Ta có thân này tức là pháp thân. Ký lại ngăn chặn nói rằng: Chẳng phải như thái hư gọi là Viên Phật, ấy là sợ học giả người nông từ mà hiểu sai vậy. Đã là có ý sâu xa, cần phải suy nghĩ.

Từ “Tượng pháp quyết nghi” trở xuống là dẫn chứng trong bốn Phật. Nói hoặc thấy tòa Liên hoa v.v, là ở lời nói... chứng minh Phật riêng biệt, ấy há chẳng phải tướng ứng hoàn toàn đồng kinh Hoa Nghiêm, mà địa thứ tư cao thấp có khác ư! Chứng minh ba Phật kia, tóm lược có thể biết nghĩa. Về giải thích bản tích lấy ba Phật làm tích. Một vị Phật làm bản. Đây là nói theo Thể, Dụng, bản, tích. Nếu lấy kinh Pháp Hoa chỉ rõ ra ý chỉ bộ Kinh thì bản là Phật Viên giáo, thị hiện Phật của ba giáo kia là Tích. Lại nói: Nếu hiểu được thật ý thì mới biết thể dụng bốn Phật đồng khác ra sao! Nếu nay đối luận, chắc chắn không thể một ngày nói hết, nên nói v.v.. Giải thích bốn Phật theo quán tâm. Tức không ra ngoài bốn câu ba quán thâm nhiếp, nay bốn Phật, tức nơi một niệm mà thấy trọn vẹn đủ ba thân. Đã thấy tự tâm tâm Phật, không hai thì giác cảnh từ đâu kế hợp. Cũng dựa vào Phật quán ý chỉ của tâm v.v...

Giải thích chữ “Trụ”: Phật có đủ ba thân, trụ xứ có tám và v.v... Phần lớn theo tây trúc Luận gia phân biệt danh nghĩa, có nhiều loại như đây, nhưng cũng không thể nào không thể. Vì nay nói Phật vốn không

trụ. Trụ của không trụ đó có sự và có lý, lý trụ tức là đệ nhất nghĩa không, sự trụ như phân biệt ở trên. Thế thì cùng với trước có gì khác đâu! Nếu nói rằng: Không trụ, không gì không trụ, thì không tồn tại không gì không tồn tại, nhưng nói vốn thật sự là thần thông của Phật biến hóa tức có hạn kỳ, số lượng nhất định, thì chưa dám nghe phân biệt như đây, nghĩa không thể rốt ráo hết v.v... Theo giáo giải thích trụ tức không ngoài dựa vào bốn giáo. Môn dựa vào thể, phân tích, khéo, vụng thứ tự, không thứ tự v.v... lý của nhập chứng dùng làm sở trụ. Nếu từ môn năng nhập thì có bốn; dựa vào lý sở trụ thì chỉ hai, hai thì khác biệt của trong chơn, bốn mới là đặc thù của Tức, Ly. Mà nói có Niết-bàn và, Bí tạng khác nhau nghĩa là Niết-bàn thì từ Chơn không được tên gọi; còn Bí tạng thì lấy ba đức đặc tên. Do đây mà phân biệt. Lý thì phải có quy về. Quyền và Thật mà luận thì nghĩa không như thiết như vậy v.v...

Giải thích chữ Thành: Văn đây hơi dài, nay theo từng đoạn mà giải thích. Ban đầu dịch tiếng Phạm tiếng Hoa như văn. Từ “Thiên la” trở xuống là chỉ rõ bốn duyên. Từ “Nối tiếp ngôi vua” trở xuống nói rõ nguyên do Ban Túc bị đuổi. Nước đó đầu tiên hiệu là Bất Hại, mà rồi mỗi ngày giết một người sao được không lưu truyền trong thiên hạ là ác độc, mà còn bị người dân trong nước ruồng bỏ ư! Từ “La sát phụ dục” trở xuống nói rõ vua Phổ Minh bị Ban Túc bắt. Có hai thuyết: Một là nguyên do cởi mở niềm tin, cho nên thành tựu cái đức hạnh của Ban Túc. Hai là bắt nguồn khởi giáo, vì vậy thiết lập hội pháp thí. Đó đều làm pháp khởi cho Bát-nhã này.

Từ câu “Phồ tập thiên vương” trở xuống trình bày đáp trả nguyện lập và Nguyên thủy xưng tên gọi Vương xá. Từ “Hựu thành trung” trở xuống là nêu ra tên gọi khác của Vương Xá. Giải thích gồm bốn nghĩa, cũng có thể phối hợp nghĩa bốn Tất đàn thành giải thích theo Người duyên v.v.... Hai chữ “Lực doanh e rằng là chữ “lực cái”... Hoặc có thể là “Danh Doanh chữ bị viết nhầm vậy. Từ câu “hựu mã già đà” trở xuống là phiên dịch tên gọi khác nhau; trước chưa hẳn dịch đúng, mỗi tùy nghĩa mà dịch vậy. Kiêm đưa ra nước đó có mười hai thành, mà Phật trụ ở đời có nhiều ít vì báo ân sanh thân, pháp thân, có nhẹ có nặng cho nên vậy. Như văn nói v.v... Cũng giống như kinh Pháp Hoa nói: “Xem cây và Kinh hành”: tức là báo ân cây và đất. Vì vậy biết Đức Phật là bậc thánh người phạm một khi xuất ra nơi chốn nào ắt phải có nguyên người, không hề uống phí vậy. Từ “Hựu xá” trở xuống là phân chữ giải thích. Nói Vương tức là Vương thành. Xá thì có sáu Tinh xá cho

nên được đặt tên này. Như văn nói v.v... Có ba giải thích núi: Nghĩa là núi Kỳ-xà-quật, Trung hoa dịch là Linh Thức gồm có ba nghĩa cho nên nói v.v... Từ “Phật hà cố”. (Phật cố sao) trở xuống là nêu rõ Phật phần nhiều ở hai nơi nói pháp. Vì núi thành này đều thù thắng cho nên vậy. Chuẩn theo luận giải thích v.v... nay nói Bát-nhã cũng ở nơi đó vì nơi đó thù thắng nhất. Nhưng ở nơi khác Phật nói Kinh, há nhất định không thù thắng sao! Cho nên biết, nói thiên trọng một phía nào thì luôn nói như thế.

Liệt kê chúng đồng nghe gọi là các chúng Tỳ kheo riêng bậc tam thừa, đồng nghe một âm giáo của đức Như Lai. Cho nên gọi là đồng nghe. Mà Phật thiết lập giáo hóa có quyền thật, được lợi ích, có cạn có sâu, vì vậy có sự khác biệt của bốn loại chúng: phát khởi, ảnh hưởng, đương cơ và kết duyên v.v... Hỏi: Các kinh liệt kê chúng nghe hoặc là tam thừa, nhơn, thiên, hoặc là bốn chúng: Tỳ kheo v.v... nay vì sao đặc biệt riêng nói có chúng phát khởi v.v... ư? Đáp: trong Kinh hoặc có nói tam thừa từ người. Nói phát khởi v.v... là cách nói phân loại. Nếu liệt kê từ người thì Kinh nào cũng nói, nhưng nay trước dùng loại để luận. Vì vậy nói: Một là ảnh hưởng, hai là phát khởi. Song, nói người mà không nói loại, tức là số đông (chúng) nên nhiều xuất xứ, không thể nói một mà đủ. Nói loại mà không nói người, thì loại tất nhiên nhiếp chung cả người. Tuy có các bốn chúng mà nghĩa ắt phải thông nhau, thu về phải không ngoài quyền, thật, cạn, sâu. Nay dựa vào một chúng triển khai làm bốn loại, thì mỗi mỗi chúng đều có bốn. Như vậy thì có một chúng nào mà không được thu nhiếp, có một căn cơ nào mà không được nói đến ư! Đây là cách nói đặt biệt, sở dĩ vì sao không nói người vậy. Lại nói Tỳ kheo, Tỳ kheo ni mỗi chúng có bốn nghĩa, tức là nói người từ loại vậy. Luận về chúng Tam thừa v.v.. liệt kê thứ tự trước sau có thể biết. Nói về tâm của Bồ tát thù thắng, hình tướng thua kém là sao: Nếu luận về hình tướng y phục thì chưa hẳn thua kém Thanh Văn, nhưng nay lấy hình tướng, y phục của người xuất gia mà tỉ dụ đó thôi. Đầu tiên giải thích chúng Thanh văn. Chữ “Dữ” nghĩa là cộng, là chung. Dựa theo luận làm ra nghĩa bản nhất (bảy thứ giống nhau) Nghĩa là Tỳ kheo v.v... tuy nhiên bất đồng nhưng bảy thứ như sở y, thời xứ v.v... Không gì không giống nhau (như văn). Nếu giải thích hết sự đồng dị trong Diệu ký có nói đủ v.v... Tuy nhiên, đời sau luận đến điều này, khiến cho không có cách nào làm cho đồng nhất, và người tình mỗi khác nhau có còn được nói là chung ư? Và nói Hòa hợp chúng cũng chỉ là nói cần mà thôi! Trong tên hiệu chung nói Đại A-la-hán. Chữ Đại còn nói là Đa,

Thắng. Cho nên bao gồm có ba nghĩa giải thích. Cũng lấy Ma-ha-diễn hàm ý nghĩa Đa. Dựa vào như vậy riêng giải thích từ phiên dịch, giải thích Tỳ kheo có năm nghĩa. Vốn chỉ có ba tên gọi là "Khất sĩ v.v..." ba tên thuộc về Người. Ứng chúng v.v... ba nghĩa thuộc về Quả. Lấy người phối hợp nghĩa quả như giải thích thông thường. Nay thêm hai nghĩa, nơi văn không quan trọng, sự giải thích phân chữ trái khác Phạm ngữ, chưa rõ dựa vào đâu, có thể tạm để qua một bên không nói đến v.v... Trình bày sơ lược địa vị Học và Vô học, dựa vào Thành Luận giải thích. Nói La hán có hai loại. Gọi là Hành cùng với Trụ. Hành là vị trí đã tu hành của Hữu học, Trụ tức là đứng quả. Vì phân ra nên hai thứ khác nhau. Lại nói bậc Hiền giữ năm giới đều là hành A-la-hán, tức là ở địa vị đang học, là nói về cái hạnh của Vô học vậy. Cũng không hoàn toàn giống như sự riêng biệt của Hương và Quả. Tin như đã nói, không nhất định phải luận. Giải thích chữ La hán, mà Trung hoa phiên dịch, có ba nghĩa. Gọi là Bất sanh, Sát tặc, Ứng cúng. Tức lấy quả đối với người, nghĩa này càng hiểu rõ, đây là ý Thông, Tạng, giáo. Nếu từ ý Viên giáo cao nhất giải thích, thì bất sanh v.v... đều y theo Trung đạo. Cho nên nói: Không chỉ là Bất sanh v.v... Nghĩa là vô lậu Niết-bàn cũng đều bất sanh vậy. Cung ứng trái ngược với Ứng Cúng nghĩa là đem đức từ bi cung ứng cho sở cầu của họ, tức là nghĩa Cung ứng. Từ "Hữu vi công" trở xuống gồm có tám khoa pháp môn ca ngợi đức của Thanh văn, hoặc làm sáu khoa, tức hai khoa sau là tổng kết, chỉ là triển khai và hợp lại có khác đó thôi; như sau nói v.v... Các kinh Phần nhiều ca ngợi đức là lấy từ ngữ văn cú để tán thân, trình bày, nhưng đây đặc biệt khác thường nêu các pháp môn để ca ngợi con người. Con người sáng sửa ắt có đức độ, đức độ ắt trong người đó, ý tức là dùng đức nêu rõ người vậy. Phần dưới cũng như đây. Lại nói: Cũng có thể tán thán người ba thừa. Văn vốn ở Thanh văn, nay lấy ý chỉ bộ Bát-nhã đó vậy. Nhị thừa cũng thông với các giáo sau. Hai cách giải thích khác nhau, phần nhiều ứng với ba giả, danh nghĩa gồm cả Biệt Viên. Từ câu "Hữu vi cử trí đức" trở xuống là giải thích theo trí, Đoạn. Nếu luận về hai đức. Thì chứng Đoạn ắt đều có cảnh thành tựu để luận. Đạo diệt vốn là một, nay làm giải thích khác nhau cũng cứ nói như vậy, như thông thường luận, nên căn cứ vào hai loại giải thoát mà nói v.v... Tiếp dựa vào mười trí tán thán: Một là Pháp trí v.v... tức đôi với Tư hoặc trong chín phẩm giới của cõi Dục, tu bốn hành quán phát ra trí vô lậu. Từ "Như thị nhất nhất đế" trở xuống nói sự phát khởi, đó là bốn Pháp trí. Đối với các pháp ràng buộc của hai cõi trên (Sắc, vô sắc) mỗi cõi tu bốn hành quán, đó là bốn Tỉ trí. Tỉ tức là

so sánh với cái trí đã phát trước đây. Gộp chung mà nói, cộng một Trí, một pháp trí, Tha tâm trí, Thế trí đã phát thành là bốn trí. Lại thêm bốn Đế trí sau và Tận trí, Vô sanh trí trở thành mười trí. Nếu chỉ hợp trước, và bốn Đế trí sau thì thành tám trí thêm Tận, Vô sanh trí thì đủ mười vậy. Nên biết chỉ là khai, hợp mà có khác thôi.

Từ “Ngũ khổ trí” trở xuống là giải thích trở lại mười sáu hành quán, chỉ là nói rộng thêm văn trên thôi. Văn nói phần tập trí hình như lầm lẫn. Phần Tận, Vô sinh trí dẫn luận nói, có thể biết. Vì kế tiếp lại thêm Như thật trí thành mười một trí. Căn cứ theo giáo Đại Thừa mà luận, chẳng phải ngăn làm sáng tỏ, nhưng chỉ ở Phật, không thể so sánh với Nhị thừa; còn đối với Học, Vô học vẫn nói sự tăng giảm khác nhau, như văn. Tiếp trong phần tán thán ba căn, trước tiên biện luận về trí, rồi theo đó mà giải thích. Nghĩa là trước Kiến đạo dùng chín căn như Tín v.v... thành tựu Trí hành, Pháp hành cho đến vị trí căn trước đây ở trong Kiến đạo. Nay tri (biết) vô lậu nên gọi là Dục tri căn. Như thế lần lượt trải qua hai đạo Tư duy, Vô học chuyển tên gọi Tri căn thành Tri dĩ v.v... Về mười sáu tâm hành, trước giải thích Đế trí đã rõ, nay đâu cần liệt kê lại! Nhưng giải thích trước đây chỉ là nêu loại để tán thán đức, không chuyên nói về hành. Nếu căn cứ về hành theo thứ lớp phải ở trước trí. Nay nói tâm hành nghĩa phải ở quả sau, cũng đâu có gì sai? Chỉ nghi ngờ thiếu một chữ “Kim” (nay) v.v....

Cũng theo như Tiêm giải thích so sánh nói mười sáu hành thì lại bao quát nhiều nghĩa, nên sự giải thích không phải hầu hết như nhau. Như Sớ nói v.v....

Lại nữa, tâm hành là: Nghĩa có Tức có Ly, nay theo Ly lược bớt Tức. Vả lại cũng thường như vậy. Vì mười sáu hành cùng có nơi Tiểu thừa. Ba thứ Giả, tán thán đức nói Pháp giả v.v... Trước chỉ rõ Thế giải thích tên gọi. Thọ là tên gọi để ở đầu tiên. Tưởng, Hành tiếp theo. Thức là chủ của Thọ, chung được gọi là Thọ. Nhưng nói bản thân nó thật ra không có Thế, chỉ dựa vào cái khác mà có, đó là nói vì sao nói là Giả vậy. Như sách Chỉ Quán nói: “Giả là không có chủ mà được sinh ra” là nghĩa đó vậy. Lại nói Hư và Thật cùng so sánh nhau đó là giải thích Hư và Thật. Nhưng nói: Chỉ Thật mà là Hư là kết hợp nói tóm kết theo cái chung nên nêu ra như vậy. Chỉ vì Thật Hư đó nên Thật vì thế là Huyền, do huyền nên thành nghĩa chung.

Trong ba thứ Giả, mỗi thứ đều có ba quán, dựa theo phần nói riêng ở trên căn cứ theo ba quán mà nêu giảng. Câu Pháp giả tức là Hư:

nghĩa là Pháp vì Hư (giả dối) nên không thật; do không thật nên là rỗng không. Đó là không quán. Không tức là Giả. Thật là đối với Giả mà gọi tên là Thật. Thật mà chẳng phải thật nên nơi chốn của Thật tức là Không. Một sắc, một hương vốn đang ở Giả vì Thể Không nên không có gì không phải là Bát-nhã. Vì tức Lý cho nên Không chỉ là Giả. Tức là Giả quán.

Câu Chữ Quán là Trung chỉ trung với có cái Thể của phi không phi giả và có cái Dụng của năng Không, năng Giả. Vì vậy, Không và Giả là phương tiện để đi vào nẻo Trung đạo nhờ trung nên các biên bị mất, vì thế hai biên chỉ có tên gọi, mà không gọi là quán. Vì trung thật nên mới được nói như thế. Đây là điều căn cứ vào Pháp giả để biện minh.

Hai quán tiếp theo giống như thế, suy ra có thể hiểu v.v... Nếu dựa theo ba thứ giả, biện minh về Viên quán thì Viên là tròn đầy, trọn vẹn không có riêng biệt, Viên quán chỉ dựa vào thứ tự lần lượt hòa tang quy về nơi một tâm tức là Không, Giả, trung. Tự nhiên mất đi, tự nhiên soi chiếu, thế là chứng đắc.

Từ câu “Trí Luận” tiếp xuống là dẫn Luận giải thích xác nhận. Đây chia làm ba phần: 1. Xác lập. 2. Dự. 3. Kết hợp.

Như Thí dụ con chó đến miệng giếng. Về ý có thể nhận biết. Chữ “Sát” () nghĩa là la, kêu, nên làm chữ Phệ () nghĩa là sửa cắn. Chữ “Tương ảnh” e là phải đảo ngược lại thành “Ảnh tương”.

Từ câu “Chúng sinh cũng vậy” tiếp xuống là phần kết hợp. Vẫn bao gồm ba nghĩa Pháp giả v.v.. Như văn nói và v.v...

Lại tất cả pháp chỉ từ danh tự hòa hợp mà đặt tên là Thân v.v... lại không có tên khác tức là không có tên riêng biệt. Cùng nêu chữ Pháp ấy gọi là Không có pháp riêng biệt trong Tam giới, chỉ là một tên gọi Giả. Các pháp đều tức là Sự là Danh là Phần v.v... có thể biết.

Từ câu “Ba Không” tiếp xuống là tán thán về đức của Tam muội: Nhờ Giả mà thấu đạt Không, nên tiếp đến là tán thán ba Không; cũng là Người Quả thứ tự nêu ra. Nghĩa là vì Pháp giả nên Không v.v... đối nghĩa có thể nhận biết được v.v...

Từ câu: “Cho nên, Đại Luận nói” tiếp xuống: Là dẫn Luận nói rõ về ba mươi bảy phẩm trợ đạo là cửa ngõ đi đến Niết-bàn. Tức Đạo phẩm là chủ thể đi đến; đi đến cái cửa Niết-bàn là đối tượng được đi đến. Lại cửa Niết-bàn có ba thứ tức là ba Không. Đây lại là cửa để đi đến Niết-bàn, nên phải lập thành nghĩa của hai lớp cửa (Môn). Nghĩa là lớp cửa bên ngoài tức Đạo phẩm: lớp cửa bên trong tức ba loại Không.

Đây tức là ba đức Đại tịch diệt an lạc của Như Lai vững chắc, sâu thẳm lại càng sâu xa hơn nữa.

Từ câu: “Không môn” tiếp xuống là lặp lại giải thích. Nghĩa là quán các pháp Vô ngã, những gì thuộc về Ngã thì quán trừ bỏ. Nó che lấp: Từ người duyên hòa hợp mà có, tức là hiểu rõ pháp, duyên, chủ với nơi chốn của chúng tức là rỗng không. Không có tạo tác, thọ nhận thì xứng với gốc nơi tự nó vốn là rỗng không. Do ba nghĩa đó nên gọi là cửa Không (Không môn).

Vô tướng môn. Nghĩa là tuy quán thân là rỗng không - tức lãnh hội được không môn ở trên nhưng tướng Có tồn tại, vì để đối trị vướng chấp vào tướng nên dùng môn tu Vô tướng. Như hành động co, duỗi, ngẩng lên, cúi xuống đều gọi đó là tướng. Nhưng tướng vốn có, thật mà chuyển động là nhờ gió, gió đưa vào Thức thì có hành động. Nếu Thức mất đi thì niệm niệm Không có vì thế cái gì gọi là có nơi tướng ư! Không có tướng thì không có ngã, mà thấy có tướng nam nữ v.v... tức là có ngã, là tâm hiện tại Không có trí tuệ. Vì thế, Vọng còn thấy có tướng bộ xương liền lạc, duy trì; đó gọi là da, xương, che đậy các cơ quan động ác như tượng gỗ người máy mà thôi.

Vô tác môn; Phạm những gì tạo tác đều cùng nương tựa vào tướng Không có (vô tướng), tướng Không có cũng không thì tạo tác sao có? Cho nên nói: Vô tướng cũng không có, gọi là Vô tác.

Ba môn Không này là mấu chốt quyết định trong các Thiên, nếu không có định này thì không gọi là Tam-muội, rất dễ thoái lui.

Nói: “Chỉ có ba loại khiến người đến được Niết-bàn: Đó là người trì giới, quán Không và tinh tấn. Có đủ ba loại này tức đã có Tư tuệ hơn phân nữa ba mươi bảy phẩm. Do nhờ môn đầu nên được ba Giải thoát, thì môn thứ hai theo đó mà được xác lập, và cách tạng Bí mật chẳng còn xa.

Từ câu “Bốn đế, mười hai người duyên” tiếp xuống: Tổng kết tán thánh. Phần này có thể biết. Nếu dùng Đế, Duyên tự chia làm hai khoa, e rằng phiền phức, trùng lặp. Hướng chi phần văn tán thán DuyênGiác ở sau cũng có. Nay thì giải thích bằng cách nêu bày, phân tích. Tuy nhiên, Đế, Duyên, Độ v.v... vì Tạng giáo thì lợi căn, độn căn đều tuân theo tu tập, nên có khác nhau, về chia ra và kết hợp. Nay là thừa của Thông giáo nên được hội tụ lại làm một, thì có giống có riêng biệt. Như số nói v.v...

Lại nói người độn căn quán nơi bốn đế v.v...” tiếp xuống là bao gồm cả Người duyên phía sau, người lợi căn, độn căn đều quán, nên có

chung có riêng. Thứ đến nêu ra Đại Kinh đều chung cho bốn giáo. Tức là theo văn sử dụng không thể suy lường đồng nhất với nghĩa.

Hai là: Liệt kê chúng Duyên Giác: Nói Duyên Giác đại Tiên là nêu ra quả vị có ba:

1. *Độc giác đấng*: Gốc là liệt kê Duyên giác mà dùng chữ Đại Tiên nói là sao? Tức đó là dùng ngoài so sánh với trong. Chọn lấy sự tỏ ngộ của họ giống nhau, nên được dùng tên Đại tiên để gọi.

2. *Người Duyên Giác*: Tức Kinh nay liệt kê gọi là chúng Đồng Văn (cùng ngồi trong Hội nghe Phật thuyết). Tuy ra đời có Phật, nhưng họ một mình tỏ ngộ Vô sinh, nên đâu có khác gì Duyên giác? Nói “Chẳng phải đoạn, chẳng phải thường” là giải thích bao gồm theo ba nghĩa. Thông hợp mà nói: Vì Duyên sinh nên chẳng phải đoạn, vì Duyên diệt nên chẳng phải thường. Chẳng phải đoạn, chẳng phải thường là chỗ tán thán cái đức tận cùng.

3. *Tiểu Bích chi Phật*: Cũng gọi là Độc Giác. Giữa hai loại này có đồng có khác. Đồng là cùng ra đời mà không có Phật - khác là do căn có lớn nhỏ nên khác. Lớn thì không hạn chế quả nên chỉ Vô học. Đây vẫn là trụ ở Người vẫn còn Hữu học. Bích chi Phật căn tính khó lường, không dễ biện minh, nên tóm lược ý chính như đây v.v...

Phân biệt, chọn lọc làm hai lớp: Đầu tiên là hỏi, bao gồm hai ý:

Hỏi: Ba Thừa nêu một hướng hoàn toàn khác nhau thì không nên hai nơi đều nêu rõ Đế, Duyên. Tiếp đến ý thứ hai: Liệt kê chúng Bồ-tát vẫn gọi là A-la-hán, nếu một hướng hoàn toàn giống nhau thì ba Thừa vì sao riêng biệt?

Đáp: Vì trên một cảnh giới, chọn lấy sự tỏ ngộ thì tự nó có sai khác. Nghĩa là chung căn cứ vào Đế Duyên giác vốn đồng một cảnh nhưng tùy theo căn cơ hiểu khác, nên chọn lấy việc tỏ ngộ không giống nhau. Vì thế có thí dụ ba thú cùng vượt qua sông v.v...

Câu: “Vì vậy, Đại Kinh” tiếp xuống là nêu dẫn quán đồng, chứng ngộ khác biệt. Vì cảnh đồng nên chung quán người duyên, vì chứng ngộ riêng khác nên đặc quả Bồ-đề có khác. Cũng phải nêu ra thêm về bốn loại bốn Đế. Như trên đã nói v.v...

Câu “Bởi do” tiếp xuống là tóm kết ý trả lời, có thể nhận biết.

Lớp thứ hai ý hỏi Đại Tiên-Duyên-giác vốn ra đời, không có Phật tại thế gian, nay tại sao nêu bày là có mặt trong chúng Đồng Văn? Vì cho rằng Kinh Không có tên gọi Độc giác nên chung dùng Duyên giác để hỏi như trên. Đáp: Duyên giác cũng có khi ra đời, có Phật tại thế, nhưng thuộc về trong số Thanh văn. Nay nói Duyên giác ra đời, không

có Phật tại thế, là căn cứ ở Độc giác mà nói như thế.

Phần liệt kê chúng Bồ-tát gồm có năm như phiên dịch danh, nghĩa v.v... Người có tâm đạo lớn (đại đạo tâm) là cách nói hiện nay. Tức là Thật trí, Phương tiện trí, các công đức đều thành tựu. Đại sĩ còn gọi là Khai sĩ. Là người có khả năng đảm nhận, duy trì việc lớn, khai mở thông suốt con đường chánh pháp. Căn cứ trong Giáo nói là người có tâm hơn trội, đạo thấp kém là nơi Bồ-tát trước vì mọi người sau mới vì mình, gắng siêng làm vì mọi người nên trội hơn hàng Thanh văn. Đây tương đương Tạng giáo trải qua tu tập ba A-tăng kỳ hàng, trăm kiếp, chẳng màng đến việc đoạn trừ hoặc, nên lại kém hơn hàng A-la-hán. Thông giáo tuy khác Tạng giáo nhưng về mặt giáo pháp thì không biến đổi, tạo lập. Cho nên nói tập khí còn lưu lại. Tập khí như thói quen Không thể riêng một mình sinh ra, nên nói có Nguyên phù trợ. Vì thế nên nói là khác.

Bồ-tát Thập địa hành hóa viên mãn nên biết như là Phật: Vì Địa thứ mười cũng gọi là Bồ-tát nên được gọi là như Phật. Nghĩa là ngang bằng với Phật của giáo hiện tại.

Nói “Chẳng phải thành, chẳng phải chẳng thành” Nghĩa là dùng tâm vô tác quán cảnh bất nhị, thì các hành vô tác nên gọi là chẳng phải thành. Một niệm chứng ngộ trọn vẹn nên nói chẳng phải chẳng thành.

Câu: “Nay đây” tiếp cuống: Là tóm kết phần trước đã nêu bày nghĩa của Bồ-tát. Nay đây chính là tương đương môm đầu tiên của giáo pháp Đại Thừa. Tức là những người cùng tu hành trong mười Địa và đến địa thứ tám được có nghĩa của gồm cả Thông, hàm chứa Biệt. Vì chính là gồm cả, tiếp theo nên nói là bí mật gồm cả, Không phải là nghĩa mật của hiển mật. Nếu căn cứ theo Đại Phẩm nói ba loại phát tâm thì lại tương ứng thông hợp với nghĩa của mỗi giáo được nêu bày trong ba giáo (Tạng, Thông, Biệt). Hai thuyết trên đều được.

Nói đều là A-la-hán tức biện minh cho quả vị Bồ-tát. Bồ-tát trải qua ba a-tăng kỳ chưa đoạn Hoặc hết, không gọi là A-la-hán. Đạt đến quả mới được gọi là A-la-hán.

Lại Kinh Bản Hạnh nói, vẫn có hai ý: 1. Căn cứ vào Bồ-tát đạt đến quả mà gọi tên. 2. Căn cứ Như Lai chính vì thiết lập sự hóa độ cho Tiểu thừa, thường luôn hạ mình giống nhau mà ẩn chứng. Cho nên nói vậy. cho đến hai vị sau, về tính chất sẽ phế bỏ, che trách. Đâu thể đều là có?

Về Bồ-tát thuộc ba giáo, căn cứ sự so sánh của quả vị như văn nêu ra.

Lại dẫn văn Đại phẩm chứng minh: Nghĩa là Bồ-tát ấy lập riêng tên

gọi là Nhãn. Đó, ý cũng là chê, khen Bồ-tát dẫn dắt hai Thừa tiến lên. Song, trước ở phần Thanh văn nói rõ đều là A-la-hán, không có ngăn cách Học và Vô học, nay ở Bồ-tát có thu vào, có chọn lọc đây là ý gì? Trong phần đáp cho rằng hình tướng Bồ-tát không có chuẩn nhất định để giải thích. Nay cho rằng đó là cách nói vững chắc nhất, nhưng không thể không có ý khác. Nghĩa là trước căn cứ vào Thanh văn chỉ là Học, Vô học thì tiến lên từ Hữu học cho đến Vô học, nên đều gọi là A-la-hán. Nay biện minh Bồ-tát đã tiếp cận Biệt, Viên thì có các quả vị sau có thể đối chiếu. Căn cứ vào chân thật, tương tự đối nhau mà luận về nghĩa thu vào hay chọn lọc.

Sớ không nói tức là lược bỏ.

Từ câu “Hỏi: Nếu” tiếp xuống: Là giải thích lý do biện minh lần nữa. Nghĩa là nay nói rõ hình tướng, sắc phục của Bồ-tát đã là chung, hoặc đồng là phạm phu, Tiểu thừa nên không tránh khỏi lẫn lộn. Vì thế nên biện minh lần nữa tức là biết có sự tiến, thoái hiện hữu. Nghĩa là người quý trọng Tiểu thừa thì khiến cho biết công đức của Đại, Tiểu thừa là bằng nhau, cho nên tiến đến Tiểu thừa. Người chấp lấy danh tướng, làm cho tổ ngộ đạo phạm, Thánh rất cách nhau, cho nên thoái lui phạm phu. Vì thế, biện minh lần nữa.

Tiếp đến nêu ra ý khác. Từ câu “Thật trí công đức” tiếp xuống gồm có mười một ý phân biệt. Đầu tiên tán thán về đức của Trí. Có Thật trí, có Phương tiện trí. Thật trí soi chiếu Không tức là Thể của Bát-nhã-Phương tiện trí soi chiếu là Dụng của Bát-nhã. Như Kinh Duy Ma có nói bốn luận chứng (tứ cú) về Thật tuệ, Phương tiện, trói buộc, giải thoát, gần như ý phần này.

Câu “Hương là biện minh về quả vị” tiếp xuống. Là lần nữa nêu ra lý do tán thán công đức chung riêng.

Nay căn cứ Thông giáo cho địa thứ bảy, tám là đối với hai trí. Tức là địa thứ bảy vị Vô sanh Nhãn nên tương đương Thật trí; vượt qua đây tức là Quyền trí. Không căn cứ vào nghĩa gồm cả, tiếp theo thì còn là nghĩa gì ư?

Nói “Chỉ riêng một mình thực hành Đại Thừa” là tán thán cho rằng chỉ có riêng Bồ-tát là được nương theo pháp Đại Thừa. Nhị thừa không có phần nên nói “Chỉ riêng một mình”

Tán thán Bốn loại Nhãn (mắt)” Đây đủ phải là năm Nhãn, nhưng có khác nhau của sự tiến triển tu tập hay không tiến triển. Như Bồ-tát tu hành ở Người, quả vị chưa trọn vẹn, thì chỉ có bốn Nhãn. Chưa đến quả vị tột cùng nên không có Phật nhãn. Tuy nhiên, nếu cho là nghĩa

như Phật mà suy luận, nói chung cũng nên gồm đủ năm Nhãn. Nếu là sơ tâm của Viên Đốn thì tuy là Nhục nhãn nhưng vì tỏ ngộ thù thắng nên cũng gọi là Phật nhãn. Nay đối với Thập Tín mà nói thì lại dùng sự chứng ngộ, tiến triển tương tự như vậy.

Tiếp tán thán về Thông (Thần thông) dựa theo phần nói Nhãn ở trên mà suy luận. Nhưng có năm Thông, chỉ kém ở quả tột cùng không đạt đến sáu Thông. Còn lại suy xét như phần nói về Nhãn v.v...

Nói “Ba Đạt” tiếp xuống là trong sáu Thông, thấu suốt rõ về ba đời, gọi đó là Ba Minh. Văn viết lầm một chữ “Lai”.

Nói Thập Lực: Đây đủ như trong Trí Luận. Trong đó, có lực “Không chán sinh tử” là lực duy nhất bao gồm chín lực còn lại. Lực đó nhấn mạnh bởi vì vô ngã, ở trong sinh tử mà không chán mỗi, thì còn lực gì lớn hơn? Nhị thừa không có lực này nên không tránh khỏi sự sợ hãi, mà cầu lìa ra khỏi sinh tử.

Nói bốn tâm Vô lượng: Là duyên với tâm rộng lớn nên gọi là vô lượng. Vốn là Phạm hạnh, nay tán thán Bồ-tát, thì cũng là đức của Bồ-tát. Ví như đủ ba tâm trước mà chưa có thể xả bỏ thì chưa là thiện (khéo), chỉ có thể người kia đã không còn chấp trước thì việc hành hóa của họ mới đến mức tột cùng. Vì thế chú giải v.v...

Nói “Các danh nghĩa của Pháp tướng khác” tức gọi là Pháp giới... lần lượt có thể biết.

Nói “Các danh nghĩa của Pháp tướng khác” tức gọi là Pháp giới,... lần lượt có thể biết.

Nói Kim Cương diệt định: Tán thán Đạo đức. Đối với các phân tích trước thì đều thuộc Trí. Tức là hai thứ Trí đức, đức. Trí là dùng trí tuệ đoạn trừ Hoặc. Đoạn là nhờ việc đoạn Hoặc mà lãnh hội chứng ngộ. Nói Vô ngại đạo đoạn là thuộc Trí đức. Nói Giải thoát đạo chứng là thuộc Đoạn đức. Lại nói: Trí đức là thật có cái đoạn của việc đoạn trừ. Tức cho rằng Trí thì phải thật có đối tượng bị đoạn. Còn Đoạn đức là không đoạn mà đoạn. Tức là không đoạn, do đã đoạn rồi ắt có chứng, cũng là do đoạn nên chứng. Lý này thật khó biện minh. Lại chữ Đoạn còn nói là Đoán (quyết đoán) nhưng nghĩa không nối tiếp nhau thì là chữ Đoạn, tức nghĩa đoạn trừ.

Nói “Cũng là sự giác ngộ viên mãn không có chủ thể, đối tượng có thể đắc, đó là đầu tiên đã đoạn, nên không có chủ thể đoạn, do đó ví dụ Kim Cương. Định là khả năng phá tan phiền não là Kiện tướng. Nghĩa là tánh của tự nó đồng mãnh, mạnh mẽ chuyên có thể hàng phục ma, ngăn cản địch.

“Lại có ngàn muôn ức” tiếp xuống, là phần thứ ba liệt kê chúng đủ loại (Tập) Gồm có bốn: 1. Người. 2. Quan. 3. Trời. 4. Bạc Hiền. Phân ra khoa phiên dịch có thể nhận biết. Chúng Hiền thì vẫn lầm làm làm chúng người.

Chính giải thích năm giới: Là lia sát, đạo, dẫn v.v... Chỉ nói đề phòng thân khẩu mà không nói ý nghiệp. Nêu ra ngọn có thể biết gốc. Một giới “Uống rượu” là phòng chung cho hai nghiệp, tức lược bỏ ý không nói. Đối với trên nói như vậy tức cũng như nghĩa giải thích ở trên thì đây tương đương Người thừa, chưa luận đến nghĩa lớn nhỏ ngăn phòng, không ngăn phòng. Nếu tách rời ra đối với Thập Thiện tức là Thiên thừa.

Người dẫn văn nói Đề vị, Ba lợi: Tức Phật mới thành đạo chưa chuyển pháp luân, người tiện vì hai người phù hợp nếp sống cũ, nên vì nói pháp năm giới. Vì thế, có văn hỏi đáp hiện nay. Đây đủ biện minh về năm giới, không là bốn, không là sáu mà rộng lớn bao quát không thiếu sót. Tức là có năm vì sao. Cùng tám việc, mỗi mỗi chữ đối một việc v.v...

Câu “Cho rằng không sát sinh” tiếp xuống là dùng năm giới phối hợp năm phương Tức không sát sinh là phương Đông thuộc Mộc. Mộc chủ lòng Người, Người lấy sự nuôi dưỡng sinh mạng làm gốc, nên phối hợp với giới, không sát. Các giới còn lại phối hợp tương tự với các phương v.v... như văn v.v... Nếu căn cứ vào giáo Viên đốn thì ý chỉ sâu xa nơi trì phạm không gì không phải là Viên thừa. Đây đủ như số Quang Minh đã giải thích v.v...

Tuy nhiên, khi nói Kinh này vào lúc đầu tiên mà không phải giáo pháp ban đầu, do chưa có đủ Tam bảo nên không phải là gốc của giáo pháp xuất thế. Nói cũng như thiết lập Tiểu thừa gồm cả thu về, thu nhiếp bên cạnh thì có thể được. Người xưa không hiểu rõ nên lập giáo đầu tiên là Người thừa, Thiên thừa, dẫn đến bị đả phá bởi bảy nghĩa của các Luận giả đời nay. Đây đủ nói rõ trong Huyền văn, cũng như trong chương riêng đã nói v.v...

Gần bậc Thánh gọi là Hiền. Lại nói giả gọi là người tu hành. Nghĩa là thường thì Hiền Thánh đối nhau để giải thích nên nói là gần bậc Thánh. Theo Tích mà nói, mới chỉ tương đương tiếp cận sự tu tập (cận sự) còn chưa được là người trong sự tu tập hành Quán. Vì thế giả tên gọi như thế, cũng như là Danh tự.

Câu: “Đều là bậc A-la-hán hành hóa vì đây đứng đầu” tiếp xuống là pháp của hàng Vô học nơi Hành; Vị. Và Thập địa v.v... đều tu tập. Vì

thế! Biết Tích tuy đồng là phạm phu, mà Bồ đề là A-la-hán và Bồ-tát. Nếu bình phẩm về lượng có hơn kém thì chẳng dễ dàng, chủ yếu chỉ là cùng tham dự trong hội của Phật mà nghe pháp. Nếu xét về bản Tích thì càng chẳng thể nghĩ bàn vậy.

Câu “Thập địa có ba loại” tiếp xuống: Đều có các kinh, Luận nói đến nhưng chẳng giống nhau. Nhưng nếu tự chẳng phải xuất phát từ một ý chỉ sâu xa của các nhà chú giải kinh, Luận giới hạn lại để phân biệt thì ai có thể biện minh được sự diệu dụng và sâu cạn của mười Địa ư!

Nói ba loại nghĩa là: Loại thứ nhất là ba Thừa cùng tu hành mười Địa. Đây thuận hợp với quả vị của Thông Giáo, như thông thường nêu bày giải thích. Loại thứ hai như Đại Luận nói rõ Càn-tuệ-địa có hai thứ: Một là Càn-tuệ-địa của Thanh văn như ba Thừa cùng tu hành đã nói ở trên. Đây thì công đức quả vị, hành hoa hoàn toàn giống như Tam Tạng giáo, vì thế nói là Thanh văn. Chỉ riêng mình nhập Niết-bàn, với sự tu tập hành hóa đều vì tự độ bản thân, nên quả vị ở Thông Biệt. Hoặc tu tập quán Phật Tam muội làm chánh quán, quán bất tịnh v.v... làm trợ quán, nhưng đều là mới phát tâm, tu hành còn nông cạn, chưa đạt được nước lý của Thiền định. Mặc dù có trí tuệ ít nhưng chưa thể tương ứng nên gọi là Càn-tuệ-địa.

Câu “Nói về Bồ-tát” tiếp xuống là nói Càn-tuệ-địa của Bồ-tát trong mười Địa (thứ hai). Tức văn nói về Bồ-tát. Từ sơ phát tâm cho đến chưa đạt được thuận Nhẫn là nói riêng biệt, tức là đồng với Thập Tín vị ngoại phạm.

Hai loại dưới đều là nói quả vị Thông Biệt, đối văn có thể thấy.

Nói “Cho đến Bồ-tát địa” là từ bắt đầu Hoan Hỷ địa đến Pháp Vân địa đều gọi là Bồ-tát. Đây là mượn cái riêng đặt tên cho cái chung (địa) vì thế mà nói Bồ-tát địa. Lập riêng tên gọi Nhẫn, nên gốc tương đương quả vị riêng. Mà mượn cái riêng để gọi chung là Địa. Vì các Bồ-tát đều có đức Nhẫn thù thắng hơn Nhị thừa, đó cũng là ý của pháp môn Đại Thừa rèn luyện cho Nhị thừa. Nếu khiến cho không dùng quả vị gọi tên, thì hòa trộn với nhau chẳng thể biện luận. Ngoài ra như trong văn Chỉ Quán. Huyền nghĩa đã nói. Vì thế, nghĩa “Mượn” của nhà chú giải là đều có ý chỉ sâu xa đó vậy!

Nói Phật địa v.v... cũng là do các Bồ-tát trước đây trong Người tu hành công đức tự tha đã đầy đủ, khi đạt được quả thành tựu Chứng trí, nên được gọi tên là Phật địa. Nếu Thập địa của Biệt giáo, Viên giáo thì trước sau vốn chỉ là Bồ-tát, không cùng chung với hàng Nhị thừa, quả vị hẳn nhiên rõ ràng không cần mượn đặt tên. Nhưng nêu căn cứ riêng

từng quả vị để luận, thì vẫn còn các giáo đạo riêng. Cho nên nói là có bước ngăn cách. Chỉ có sự chứng đắc viên mãn, thì đạo mới hoàn toàn viên dung. Chú giải v.v... là dùng giải thích riêng v.v...

Lại nói: Hồi hướng năm phần Pháp thân: Nếu luận về Hồi hướng thì gốc tương đương với hàng trước Địa (Địa tiên). Nay liệt kê ngược lại để nó phía sau, vì tán thán Hồi hướng nghĩa là: Số căn cứ vào sự tiếp theo riêng để trình bày, khiến cho Không vướng chấp vào Không, khiến trở về trung đạo, tức là nghĩa Hồi hướng.

Câu “Đầy đủ” tiếp xuống: Là đối trị với trước nghiên về Chân (Thiên Chân), nên năm phần pháp thân chưa đủ, nay đã làm đầy đủ nên nói vậy. Năm phần không ngoài ba Thân. Nghĩa là bốn phần công đức trước (Giới, Định, Tuệ, Giải thoát) là Đức thân; trí kiến là trí thân. Vì là cùng trang nghiêm tánh đức nên là Pháp thân. Tức rõ ràng ba thân vốn đủ.

Nói “Hồi hướng là thiện lợi”: Nay tóm hai nghĩa: Tức là hồi tự hướng tha, hồi người hướng quả. Quả ắt đến tột cùng thì hồi Sự hướng Lý, nghĩa tự nhiên bao gồm.

Về tán thán nam, nữ có tín tâm cũng có đủ công đức của mười Địa, phần này bắt đầu chia mười Địa nơi ba đời để nói. Tức chẳng ngoài trước, giữa và sau trải qua mười địa phối chung thành ba mươi đời (sinh). Đó gọi là tăng đạo tổn giảm sinh, cùng với phàm phu, một địa đầy đủ các công đức. Lại nói Sơ địa không biết Nhị địa oai nghi hành hóa, cho đến chỗ nay nói là khéo ra, vào, trụ v.v... nghĩa chẳng là một hướng. Thế mới biết pháp môn Viên đốn, không thể nói hết được lý của nó.

Trong phần ngợi khen đức hạnh của cư sĩ, nói bảy Hiền có hai loại: Đều như văn sơ nói. Song, các hàng trước Địa với sở tu hiện có, đều là điều phục tâm, thuận theo đạo, nếu tâm không điều phục, thì không thể thuận theo đạo, tức không có cơ sở được bước vào hàng Thánh. Về danh tướng của bảy Hiền thuộc Đại Thừa, hơi có khác biệt. Nhưng đây chưa tập hợp để nêu ra.

Người nước ngoài (ngoài Ấn độ) nói cất chứa của cải đến muôn gọi là Cư sĩ. Kinh Tịnh Danh nói người giàu có bảy tịnh tài. Hai nghĩa hoàn toàn cách xa. Nay thấy người đời lạm dụng tên gọi này rất nhiều!

Người đức hạnh đầy đủ: Đức tức là hạnh, cũng xác lập là hành của đức.

Câu: “Nay tạm theo giải thích nghĩa đầu cũng được”. Câu này là tổng. Tiếp xuống dưới câu “Các công đức” là biệt. Nghĩa là hai mươi hai phẩm chung nói gồm tám khoa Đạo phẩm có bốn v.v... Chỉ đối với

một loại vị, trừ bảy giác chi, tám Thánh đạo thuộc về Kiến đạo, các phẩm còn lại ở trước, nên chỉ thành hai mươi hai. Mười Nhất thiết Nhập v.v... Các phân biệt về danh tướng, đầy đủ như quyền Pháp giới thứ đệ nói v.v...

Hỏi: Tám giải thoát là có quán có chứng, nay ở vị Hiền có quán mà chưa chứng đắc, sao cứ tán thán?

Đáp: Bảy Hiền trước thuận theo quán, mặc dù chưa chứng đắc nhưng từ lượng nhiều mà nói.

Lại hỏi: Giải thoát là nghĩa gì?

Đáp: là nghĩa vất bỏ lại sau lưng (Bối xả). Đầu tiên bỏ sắc, vô sắc; bỏ tâm, vô tâm, tâm sắc đều bỏ, cuối cùng ở diệt tận chỉ có duyên tâm, cùng phải bỏ đi. Tiếc cho giáo lý Tiểu thừa chỉ là vậy thôi! Mà phải đến tất cả cái “Không có” có thể bỏ, người bỏ là cái gì, tất cả chủ thể, đối tượng đều bắt dứt, không có pháp nào phù hợp, chắc chắn không phải Tiểu thừa có thể đạt đến được.

Lại hỏi: Ba xứ Biến v.v... tại sao riêng biệt?

Đáp: Vì Kiến có đối tượng được bỏ, tức đối tượng được bỏ ấy là giải thoát. Nhưng Kiến có tất cả cảnh giới thù thắng, tức chủ thể thù thắng là nơi chốn thù thắng. Không chỉ có thể thù thắng mà còn có thể rộng lớn, tất cả xứ chỉ do tâm biến hiện, không gì không phải là màu xanh v.v... Đó là cảnh giới đâu có gì bằng, thế thì sao không dùng nghĩa Thắng mà làm nghĩa Thánh ư? Chẳng qua gọi là Thánh thì khéo, tốt hơn.

Nói ba Tuệ: Nghĩa là từ Văn, Tư, Tu thứ tự tăng tiến, là bước dần tiến vào Đạo, mà thấy đều có thể phát sinh trí tuệ, cho nên được đặt tên chung là Tuệ. Vì tiếp theo đối với quả vị có thể biết.

Cùng với việc Văn, tư, tu nhập Tam ma địa của Bồ-tát Quán Âm là: Tức giải thích nghĩa khác v.v...

Nói bốn đế, mười sáu đế v.v... là dựa vào đế, môn quán mà tán thán, có chung, có riêng. Nghĩa là pháp người quả thế gian, xuất thế gian, nói chung là bốn tức Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Nói riêng là bốn đế phân làm bốn loại: Sinh diệt, Vô sinh, Vô lượng, Vô tác thành mười sáu. Căn cứ trong Chân đế thì luận bàn đều có rộng hẹp. Là duy nhất, thẩm tra suy xét về nghĩa thật gọi là Đế. Nếu dựa theo đó phân biệt ra, thì không thể nói hết lý. Nay dựa theo Số đã giải thích. Nghĩa là trong quả vị Nhẫn có sự sai khác về quán khắp trong các phẩm thượng trung hạ v.v... gồm có mười sáu hành nơi Đế. Nói từ Hành tức gọi là Quán môn Từ cảnh đối tượng quán thì gọi là Đế môn. Điều chỉ rõ như trên đã nói

v.v... Bốn, ba, hai, một phẩm quán, là không ngoài dùng bốn thiện căn, khen ngợi đức hạnh của Cư sĩ. Từ Noãn đến Thế đệ nhất mà có khác nhau của nghịch số, thuận trừ. Nghịch số là từ phần trước trước bồi đắp cho phần sau sau. Thuận trừ là từ phần sau sau giảm đi phần trước trước. Như vẫn có thể biết.

Hoặc dựa theo bốn quả từ sau hướng về trước nhưng không Phải ý trong số này. Vì thế, thuận theo cách giải thích trước được chín mươi Nhẫn. Nghĩa là xưa nói gồm có ba cách giải thích, nay đều không dùng, chỉ chọn lấy phần chính nơi Kinh mà làm văn kết riêng.

Câu “Từ hai mươi hai phẩm” tiếp xuống là tướng của các pháp chung thành tám mươi một số, gồm cả chín của Tứ thiên v.v... vừa vẫn là chín mươi Người. Rõ ràng có văn nói rõ về nghĩa số lượng đâu cần nơi khác nói. Đã nói là phương pháp điều phục tâm, thì có một pháp nào không là Nhẫn ư!

Trong phần liệt kê số các Trời nói cho đến số vạn vạn, tức là ức. Ngoài ra ba bản khác nhau, chỉ là bất đồng trên phương diện chia ra, hợp lại, chung, riêng, đầy đủ, tóm lược mà thôi. Đối chứng có thể biết. Năm là Hỷ lạc Thiên: Văn bao gồm hai thuyết. Nghĩa là năm chi tức các chi công đức nơi Tứ thiên phát sinh, chẳng liên quan đến số các trời. Nếu nói Ngũ Tịnh sau thì tức là trời Ngũ NA-hàm. Nhưng nói Hỷ lạc cũng là nghĩa nói như vậy, tức đây là Thánh quả thứ ba (A-na-hàm)

Phân tán dấu vết ở các Trời, vốn không có phương sở nhất định. Như trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: Như thế gian hiện tại, các nơi chốn Thánh địa, đạo tràng núi sâu, đồng trống đều là trú xứ của các vị A-la-hán. Cho nên người trí tuệ thấp kém ở đời không thể hiểu được.

Tiếp theo liệt kê thêm về Tứ thiên, đều dựa vào Luận Câu Xá nói v.v...

Nói định của Trời, định của công đức v.v... như giải thích chi tiết ở Số, tức hai nghĩa Tu và Báo. Vị nghĩa là tham đắm Thiên định. Chỉ ở trên Căn bản định mới có sự tham đắm này. Nếu ở thiên không đắm chấp thì gọi là Tịnh thiên. Như sáu hành quán, tám Thánh chủng v.v...

Nói có năm dục nhỏ: Nghĩa là như nắm tay, cười, nhìn nhau v.v.v... nếu nói Lục dục là nói thuộc nơi chốn (Trời Lục dục).

Bốn Tín thành tựu: Tín Tam bảo và Giới. Đây là bốn niềm tin không hoại mất, cũng gọi là Tịnh tín.

Câu “Lại có năm đạo” tiếp xuống là liệt kê chung. Trong đây hoặc chỉ nêu Trời, người tức là đối tượng có khả năng tiếp nhận đạo

pháp: Hoặc nói chung năm đạo thì hoại trừ A-tu-la vì vừa quý súc sinh không có hình tướng xác định. Nếu nói ba thiện ba ác và bốn nẻo thì số sáu đạo đầy đủ v.v... lại trong sáu đạo, nói trước sau tức là: Trước có trời, người và ba ác kế tiếp. A-tu-la thì hoặc có hoặc không có nên trước sau không xác định. Hoặc Không có chủng tử người duyên đối với Kinh này, nên không có trong số chúng liệt kê.

Liệt kê chúng ở phương khác: Nói nơi chốn khác, thấy khác nhau nghĩa là ở hội chúng tha phương mà thấy có khác nhau. Hoặc tuy thấy có đi lại mà không có vết tích đi lại. Hoặc thấy chúng kia không rời tòa, mà đi đến cõi này, thành tựu sự giáo hóa v.v... đây đều là tùy duyên thấy khác. Tóm lại làm rõ sự không khác là biến hóa vậy.

Lại có biến tịnh độ ở mười phương:” Tức là biến bửu sự biến hiện ba lần thành cõi tịnh ở trong Kinh Pháp Hoa nói.

Tiếp đến các tướng thanh tịnh được bày hiện, tuy không có phân biệt nhưng luôn căn cứ nơi sự. Vả lại, từ sự thị hiện cõi Thật báo để nói cho nên nêu là: “Chẳng phải sự thanh tịnh của cõi Tịnh quang. Bởi lẽ, tướng thanh tịnh của cõi Tịch quang, chỉ có bậc trí tuệ tột cùng thấy được, không phải các chúng được giáo hóa, và các địa thấp khác có thể nhìn thấy.

Lại nói: Hiện ra trăm ức tòa cao: Đó là tướng ứng hiện của Hoa Nghiêm. Nói cho đến trên đài hoa: Là có trăm ngàn ức hóa thân ngồi dưới cây Bồ-đề. Đó thật ra đều là cảnh giới Hoa Tạng bất động, bất ly mà lên cung Trời, du hành giáo hóa khắp nơi. Cho nên nói v.v...

Nói tám bộ đại chúng, mỗi mỗi đều ngồi trên hoa báu. Là tổng nêu việc giáo hóa của Chủ. Bọn chẳng thể nghĩ bàn.

Phật và Đại chúng đều nói Bát-nhã: Nghĩa là vì Bát-nhã có hai loại: Cộng và Bất cộng. Cộng như Kinh này, Bất cộng như Kinh Hoa Nghiêm. Mặc dù có Cộng và bất cộng khác nhau nhưng đều là Bát-nhã. Đã đều là Bát-nhã thì không gì không phải là Hoa nghiêm. Vì vậy biết sự giáo hóa của Phật là dung thông từ đâu không có đây, kia. Vì người tự sinh ra kiến giải khác mà thấy khác đó thôi.

Trong phần này Sớ nêu ra tám bộ, cho rằng bốn Thiên vương mỗi vị thống lãnh hai chúng làm thành tám bộ, nhưng các Kinh lại cho rằng trời, Rồng v.v... làm tám bộ. Thật sự, họ đều là chúng bảo hộ chánh pháp v.v...

Nói: ngồi trên tòa chín cấp: Căn cứ Sớ chỉ phải đổi chữ “Kiếp” thành chữ “Cấp”. Cấp là tầng cấp. Kinh hiện tại gốc đã là đúng rồi, không cần sửa lại, huống hồ là lý chẳng thể nghĩ bàn? Huống là chúng

đều vân tập ợ hội đều ngôi tòa này; mà hội đó rộng chín trăm năm mươi dặm cũng chỉ là dựa vào Thế đế mà nói. Nếu đã chẳng thể nghĩ bàn, há chỉ là số lượng bấy nhiêu mà thôi! Như Kinh Duy ma, phòng phương trượng chứa đủ ba vạn hai ngàn tòa sư tử. So sánh đây, e rằng không thể chấp nhận lấy sự rộng, hẹp, hơn, kém để bàn luận vậy. Do đó biết, sự giáo hóa của Phật chỉ có thể tạo ra chúng hội không thể nghĩ bàn, nếu dùng phàm tình phân biệt, thì bao nhiêu mà không là sai ư? ! tuy nhiên cần phải tạm nói ra, thì sao tránh khỏi như người si mê nói mộng.

Câu “Hỏi các kinh” tiếp xuống là hỏi về chúng được nêu bày ra, có thể biết. Trong phần đáp nói quả báo của tam giới có thể luận là do Nghiệp. Đó như sự khác nhau của người có duyên, hay không có duyên gặp Phật, chứ không hẳn hoàn toàn dựa vào phần thiện, ác. Vì thế nói v.v... Dùng so sánh việc nghe pháp và không nghe pháp v.v.v... cũng nên thấy. Nay dùng một đoạn trong Đại Kinh để nhận định chính xác. Nghĩa là Giới chậm chưa hẳn là chướng ngại, Thừa chậm đây mới là chướng ngại. Cho rằng hai câu kế tiếp là nói về người có duyên và không có duyên. Đó mới là nhận định đúng. Lại phải nên phân, Thừa, Giới riêng biệt, mỗi thứ có ba phẩm, rồi cùng xen nhau biện luận sự gấp và chậm thành bốn Luận chứng như văn. Nghiệm thấy cùng đều như vậy.

